CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 63

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	
Bà Phạm Minh Hương	Thành viên	
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	
Bà Vũ Nam Hương	Thành viên	(Từ nhiệm ngày 16/05/2024)
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 20/06/2024)

Ủy ban kiểm toán

Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 17/10/2024)
Ông Vũ Hoàng Hà	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 17/10/2024)
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 17/10/2024)
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 17/10/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Mai Hữu Đạt	Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hương Thảo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KẾT THÚC KỲ NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A

Mai Hữu Đạt
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

UHY
Connect to possibility

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Tầng 5, Tháp B2, Tòa nhà Roman Plaza,
Đ. Tố Hữu, P. Đại Mỗ, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
T: +84 24 5678 3999
E: info-uhy@uhy.vn
uhy.vn

Số: 429/2025/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (sau đây được gọi là "Công ty") được lập ngày 29 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 63 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại báo cáo kiểm toán ký ngày 29/03/2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
UHY
MSDN: 0102021062
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Minh Long	**Bùi Đức Nam**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1	Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5142-2025-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.955.675.716.328**	**2.867.113.656.359**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**65.503.488.551**	**83.665.344.718**
Tiền	111		60.503.488.551	75.293.404.992
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	8.371.939.726
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**748.159.984.403**	**369.309.926.015**
Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	746.360.378.575	369.309.926.015
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.200.394.172)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	4.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.111.908.939.913**	**2.394.916.605.948**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	120.800.340.839	78.118.967.502
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.434.942.700	874.065.902.142
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	895.029.007.515	1.351.249.094.029
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	78.333.043.803	99.449.448.966
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.776.570.516)	(8.113.227.074)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		88.175.572	146.420.383
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**24.657.301.640**	**15.457.272.520**
Hàng tồn kho	141		24.756.371.325	15.556.342.205
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.069.685)	(99.069.685)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.446.001.821**	**3.764.507.158**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.934.940.588	1.400.026.213
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.285.021.510	1.657.916.085
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	226.039.723	706.564.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**6.715.453.117.250**	**5.969.023.653.929**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**19.349.816.245**	**17.457.387.000**
Phải thu dài hạn khác	216	9	19.349.816.245	17.457.387.000
Tài sản cố định	**220**		**622.280.506.211**	**687.398.326.881**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	606.467.425.294	649.457.042.559
- Nguyên giá	*222*		*1.195.354.126.541*	*1.184.959.228.687*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(588.886.701.247)*	*(535.502.186.128)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	15.813.080.917	37.941.284.322
- Nguyên giá	*228*		*48.404.572.166*	*59.548.901.871*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(32.591.491.249)*	*(21.607.617.549)*
Bất động sản đầu tư	**230**	**14**	**11.469.310.853**	**11.687.665.553**
- Nguyên giá	231		17.403.806.849	17.403.806.849
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(5.934.495.996)	(5.716.141.296)
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**53.062.104.817**	**44.474.739.053**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	53.062.104.817	44.474.739.053
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**5.738.903.790.416**	**4.927.654.824.616**
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.3	5.338.953.630.908	4.486.846.295.344
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.4	941.391.011.200	941.391.011.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(541.440.851.692)	(500.582.481.928)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**270.387.588.708**	**280.350.710.826**
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	133.395.037.595	132.103.754.671
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	31.1	86.530.945.469	88.061.356.875
Lợi thế thương mại	269	16	50.461.605.644	60.185.599.280
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**8.671.128.833.578**	**8.836.137.310.288**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.172.504.903.234**	**4.775.533.616.081**
Nợ ngắn hạn	**310**		**468.893.079.267**	**3.671.860.353.754**
Phải trả người bán ngắn hạn	311		5.289.500.829	8.033.179.913
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.630.433.731	589.982.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	51.232.868.730	27.423.643.487
Phải trả người lao động	314		10.464.978.106	2.270.110.934
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	138.899.075.216	156.386.755.037
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	11.894.919.878	1.283.409.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	92.796.487.599	101.179.956.915
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	112.259.032.849	3.330.267.533.117
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		44.425.782.329	44.425.782.329
Nợ dài hạn	**330**		**3.703.611.823.967**	**1.103.673.262.327**
Phải trả dài hạn khác	337	21	4.011.000.000	1.300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	3.661.774.340.209	1.062.237.564.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	31.2	37.826.483.758	40.135.697.867
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**4.498.623.930.344**	**4.060.603.694.207**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**4.498.623.930.344**	**4.060.603.694.207**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.138.357.750.000*	*2.138.357.750.000*
Vốn khác của chủ sở hữu	414		32.049.837.180	32.049.837.180
Cổ phiếu quỹ	415		-	(23.031.799.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		64.268.503.228	64.268.511.754
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		635.671.910	635.671.910
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.908.444.893.087	1.541.254.134.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.496.990.666.796*	*1.242.586.659.042*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*411.454.226.291*	*298.667.475.868*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		354.867.274.939	307.069.587.453
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**8.671.128.833.578**	**8.836.137.310.288**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Ngọc Mai	Nguyễn Thị Hương Thảo	Mai Hữu Đạt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**24**	**560.331.817.604**	**347.553.198.362**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		277.196.874	361.939.870
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**560.054.620.730**	**347.191.258.492**
Giá vốn hàng bán	11	25	280.748.813.885	207.405.353.252
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**279.305.806.845**	**139.785.905.240**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	458.658.911.672	311.708.940.299
Chi phí tài chính	22	27	418.170.026.569	527.176.119.525
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*372.789.770.996*	*430.914.438.683*
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	28	280.680.521.865	482.297.434.180
Chi phí bán hàng	25	29	13.802.534.256	9.856.964.283
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	69.612.055.348	53.717.894.095
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**517.060.624.209**	**343.041.301.816**
Thu nhập khác	31		5.739.819.319	4.651.449.310
Chi phí khác	32		5.422.033.684	4.229.959.603
Lợi nhuận khác	**40**		**317.785.635**	**421.489.707**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**517.378.409.844**	**343.462.791.523**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	47.296.000.850	16.711.482.613
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31.3	(40.171.874)	(9.016.388.450)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**470.122.580.868**	**335.767.697.360**
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		411.454.226.291	298.667.475.868
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		58.668.354.577	37.100.221.492
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**33**	**1.924**	**1.397**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**33**	**1.924**	**1.397**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Ngọc Mai	Nguyễn Thị Hương Thảo	Mai Hữu Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
M.S.D.N: 0100779693
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**517.378.409.844**	**343.462.791.523**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		80.608.849.056	74.918.731.818
Các khoản dự phòng	03		41.722.107.378	87.653.897.696
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(650.797.875.860)	(781.835.268.742)
Chi phí lãi vay	06		373.115.384.244	431.664.064.255
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***362.026.874.662***	***155.864.216.550***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		809.980.657.180	(49.896.575.470)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.200.029.120)	(2.711.377.463)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.594.522.363	40.254.645.597
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.769.808.406)	9.439.759.659
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(377.050.452.560)	719.919.597.215
Tiền lãi vay đã trả	14		(391.504.063.555)	(445.441.352.548)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.895.534.898)	(7.966.171.292)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.200.000.000)	(1.140.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***378.982.165.666***	***418.322.742.247***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.971.305.679)	(30.872.275.157)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.722.727.273	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.220.918.911.365)	(4.239.850.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.717.180.657.871	5.028.472.734.852
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(629.369.560.000)	(1.098.215.962.005)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		90.990.000.000	229.551.211.393
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		278.481.894.834	227.487.646.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***222.115.502.934***	***116.573.355.621***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		23.541.799.000	21.155.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		3.625.000.000.000	14.400.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.241.443.087.767)	(519.761.988.856)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.358.236.000)	(14.781.242.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(619.259.524.767)***	***(498.988.231.356)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(18.161.856.167)**	**35.907.866.512**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**4**	**83.665.344.718**	**47.757.478.206**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4**	**65.503.488.551**	**83.665.344.718**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Ngọc Mai	Nguyễn Thị Hương Thảo	Mai Hữu Đạt

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ I.P.A
M.S.D.N: 0100779693 C.T.C.P
Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A, (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập ngày 28/12/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103021608 với số vốn điều lệ đăng ký là 600.000.000.000 VND trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Đầu tư và Tài chính I.P.A - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 042493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/03/1998.

Ngày 31/12/2007, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Đầu tư I.P.A theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103010725 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19/01/2006 với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 426.647.450.000 VND, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư I.P.A là 173.352.550.000 VND, thặng dư vốn là 370.867.003.490 VND. Sau khi sáp nhập thì vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A vẫn giữ nguyên là 600 tỷ VND và thặng dư vốn phát sinh là 370.867.003.490 VND.

Ngày 20/11/2008, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A nhận sáp nhập với Công ty Cổ phần Các đối tác Tài chính I.P.A (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103022532 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 22/02/2008) với tỷ lệ sáp nhập là 1:1. Tại thời điểm nhận sáp nhập, vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A là 600.000.000.000 VND và vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Các đối tác Tài chính I.P.A là 59.999.800.000 VND và do một cổ đông duy nhất là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A thực hiện góp vốn. Khi nhận sáp nhập thì Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A không phát hành thêm cổ phần mới, vốn điều lệ của Công ty vẫn giữ nguyên là 600.000.000.000 VND.

Ngày 15/11/2016, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6, theo đó mã số doanh nghiệp của Công ty là 0100779693.

Ngày 14/02/2017, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 600.000.000.000 VND lên 890.982.480.000 VND.

Ngày 31/05/2021, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8, theo đó Công ty nhận sáp nhập với Công ty TNHH MTV Tài chính IPA và giữ nguyên vốn điều lệ.

Ngày 13/12/2021, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 9, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 890.982.480.000 VND lên 1.781.964.960.000 VND.

Ngày 18/07/2022, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 1.781.964.960.000 VND lên 2.138.357.750.000 VND.

Ngày 05/07/2024, Công ty đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 11.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.138.357.750.000 VND, tương đương 213.835.775 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 483 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 410 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, đầu tư và kinh doanh năng lượng và các ngành nghề khác theo đăng ký doanh nghiệp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm: Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, đầu tư và kinh doanh năng lượng và các ngành nghề theo đăng ký doanh nghiệp.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2024 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Nếp sống tỉnh thức IPAM LIFE (đổi tên từ Công ty Cổ phần IPALIFE)	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê	92,71%	92,71%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood (i)	Số 26 Trần Bình Trọng, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội.	Kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng	81,83%	89,86%
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương (i)	19 Trúc Khê, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.	Kinh doanh, xuất khẩu các sản phẩm từ ong	91,06%	98,22%
Công ty TNHH Di sản thiên nhiên Hoàng Liên Sơn (i)	Lào Cai	Sản xuất chè	89,79%	100,00%
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (i)	Thôn Giàng Trù, xã Nậm Khánh, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Đầu tư dự án thủy điện	89,79%	95,19%

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Nguỵ Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Hoạt động tư vấn quản lý	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA (đổi tên từ Công ty Cổ phần Công nghệ IVND) (ii)	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Nguỵ Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Lập trình máy vi tính	50,78%	79,02%
Công ty TNHH Tư vấn Quản trị doanh nghiệp IPA (đổi tên từ Công ty TNHH Quản trị doanh nghiệp IPAM) (ii)	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Nguỵ Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính	58,50%	90,00%
Công ty Cổ phần Propfit (ii)	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Nguỵ Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Lập trình máy vi tính	31,86%	70,00%
Công ty Cổ phần Stockbook (ii)	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Nguỵ Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Cổng thông tin	33,00%	65,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dstation (i)	Tầng 1, toà nhà Comatce Tower, số 61 phố Nguy Như Kon Tum, khu dân cư 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Lập trình máy vi tính	64,90%	70,00%
Công ty Cổ phần Bất động sản Anvie Hội An (i)	Số 295 Cửa Đại, Phường Cẩm Châu, Tp Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh bất động sản	92,70%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lũng Xuân (i)	Xã Tiến Xuân, Huyện Thạch Thất, Hà Nội	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	89,32%	98,00%
Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Đại Dương (i)	Số 20 Lê Đại Hành, Hoàng Văn Thụ, Hồng Bàng, Hải Phòng.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	74,84%	80,00%
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư IPA Cửu Long	Số 21 đường B19 Khu dân cư Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	Kinh doanh bất động sản	99,14%	99,33%
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In (i)	Số 102 A-B Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ liên quan đến in	91,50%	98,69%

(i) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Nếp sống tỉnh thức IPAM LIFE.

(ii) Công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư IPAF.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Công ty mẹ và các Công ty con. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.4 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con), gọi chung là Nhóm công ty. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Nhóm công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty mẹ phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Công ty mẹ đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Công ty mẹ thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mẹ vẫn giữ quyền kiểm soát: Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Công ty và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tài khoản giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao là các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định tại ngày báo cáo và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập riêng cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường khi có giá trị hợp lý của chứng khoán thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và các đơn vị khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty mẹ và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể được thể hiện qua quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá gốc đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu phần lỗ thuộc sở hữu của Công ty mẹ và các công ty con trong công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty mẹ và các công ty con có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập theo cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty mẹ và các công ty con thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi nhuận và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và các công ty con trong công ty liên kết.

Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty mẹ và các công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc đầu tư, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận phát sinh trước thời điểm mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị khoản đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận phát sinhsau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không phản ánh giá trị cổ phiếu nhận được.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty mẹ và các công ty con tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhóm tài sản	**Thời gian khấu hao (năm)**
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	04 – 15

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính, nhãn hiệu hàng hóa và TSCĐ vô hình khác.

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, khoản trả trước tiền thuê nhà, lợi thế quyền thuê đất, chi phí sửa chữa cải tạo và các chi phí khác.

3.12 HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 NỢ PHẢI TRẢ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty mẹ ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty mẹ sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong kỳ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty mẹ và các Công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty mẹ và các Công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty mẹ và các Công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chi phí phát hành trái phiếu...

3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty mẹ và các công ty con áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty mẹ và các công ty con có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và công ty mẹ và các công ty con có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty mẹ và các công ty con căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.22 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.23 BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty. Do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ vì vậy, Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một lĩnh vực kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tiền mặt	719.154.068	1.747.453.566
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.684.219.915	72.927.908.680
- Tiền gửi tài khoản giao dịch chứng khoán	16.100.114.568	618.042.746
- Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	8.371.939.726
Cộng	**65.503.488.551**	**83.665.344.718**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Chứng chỉ tiền gửi	4.000.000.000	-	-	-
Tổng	**4.000.000.000**	-	-	-

5.2. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	226.260.376.285	(*)	(2.200.394.172)	-	-	-
+ *Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Trung Nam*	*220.000.000.000*	*(*)*	-	-	-	-
+ *Cổ phiếu khác*	*6.260.376.285*	*4.064.355.700*	*(2.200.394.172)*	-	-	-
- Tổng giá trị trái phiếu	480.100.002.502	(*)	-	369.309.926.015	(*)	-
+ *Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam*	*416.879.516.814*	*(*)*	-	*289.997.860.208*	*(*)*	-
+ *Trái phiếu khác*	*63.220.485.688*	*(*)*	-	*79.312.065.807*	*(*)*	-
- Chứng khoán và công cụ tài chính khác	39.999.999.788	*(*)*	-	-	*(*)*	-
+ *Chứng chỉ quỹ đầu tư*	*39.999.999.788*	*(*)*	-	-	*(*)*	-
Cộng	**746.360.378.575**	(*)	**(2.200.394.172)**	**369.309.926.015**	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

	Địa chỉ	31/12/2024			01/01/2024		
		Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	Tp. Hà Nội	25,84	25,84	5.013.995.292.159	25,84	25,84	4.164.008.944.640
Công ty CP Phát triển Điện Trà Vinh	Tỉnh Trà Vinh	20,43	20,43	27.590.843.893	20,43	20,43	23.511.375.744
Công ty CP Giải pháp Phần mềm Tài chính	Tp. Hà Nội	28,00	28,00	43.406.596.842	28,00	28,00	38.717.125.943
Công ty Cổ phần Biggee	Tp. Hà Nội	12,54	31,00	-	12,69	31,00	193.176.662
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	Cần Thơ	48,60	48,60	210.149.851.520	48,60	48,60	209.495.028.520
Công ty CP Dược phẩm ECO	Tp. Hồ Chí Minh	-	-	-	18,81	20,00	9.203.537.464
Công ty CP Du lịch Dịch vụ Hội An	Tỉnh Quảng Nam	20,01	20,01	43.811.046.494	20,01	20,01	41.717.106.371
Cộng				**5.338.953.630.908**			**4.486.846.295.344**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Stringee	8.391.011.200	(*)	(5.416.698.723)	8.391.011.200	(*)	(3.649.327.779)
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ (**)	928.400.000.000	394.680.000.000	(533.720.000.000)	928.400.000.000	435.160.000.000	(493.240.000.000)
Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	4.600.000.000	(*)	(2.304.152.969)	4.600.000.000	(*)	(3.693.154.149)
	941.391.011.200	**(*)**	**(541.440.851.692)**	**941.391.011.200**	**(*)**	**(500.582.481.928)**

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu này trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2024 và 29/12/2023.

Thông tin chi tiết về các công ty nhận vốn đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2024 như sau:

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư vốn	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	Tầng 1, toà B Sky City, số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh bất động sản; đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính.	10,91%	10,91%
Công ty Cổ phần Stringee	Tầng 16, tòa nhà văn phòng 2 - Dự án Sun Square, Số 21 Lê Đức Thọ, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Lập trình máy vi tính	4,27%	12,78%
Công ty Cổ phần Giáo dục Tuệ Đức Bách Khoa	12/47 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, đào tạo sơ cấp, đào tạo trung cấp	15,00%	15,00%

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**120.800.340.839**	**(356.168.704)**	**78.118.967.502**	**(380.889.204)**
Phải thu bên liên quan	***22.393.627.374***	**-**	***59.786.307.462***	**-**
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	22.389.627.374	-	59.786.307.462	-
- Công ty Cổ phần Biggee	4.000.000	-	-	-
Phải thu các khách hàng khác	***98.406.713.465***	***(356.168.704)***	***18.332.660.040***	***(380.889.204)***
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.155.577.765	-	2.097.982.059	-
- Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	79.455.761.439	-	11.357.324.334	-
- Các khách hàng khác	3.795.374.261	(356.168.704)	4.877.353.647	(380.889.204)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**120.800.340.839**	**(356.168.704)**	**78.118.967.502**	**(380.889.204)**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**24.434.942.700**	**(2.124.637.114)**	**874.065.902.142**	**(2.149.032.114)**
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Trung Nam	-	-	850.000.000.000	-
- Công ty TNHH Bim Kiên Giang (1)	16.919.087.724	-	16.919.087.724	-
- Các nhà cung cấp khác	7.515.854.976	(2.124.637.114)	7.146.814.418	(2.149.032.114)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**24.434.942.700**	**(2.124.637.114)**	**874.065.902.142**	**(2.149.032.114)**

(1) Đây là các khoản thanh toán theo tiến độ cho Công ty TNHH Bim Kiên Giang căn cứ theo hợp đồng mua bán bất động sản tại thành phố Phú Quốc, Kiên Giang, dự án đang trong quá trình hoàn thiện để bàn giao.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**895.029.007.515**	**(800.000.000)**	**1.351.249.094.029**	**(1.497.433.156)**
Phải thu các bên liên quan	***3.600.000.000***	-	***100.000.000***	-
- Công ty Cổ phần Biggee (ii)	100.000.000	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	3.500.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***891.429.007.515***	***(800.000.000)***	***1.351.149.094.029***	***(1.497.433.156)***
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (i)	864.751.966.795	-	1.266.250.000.000	-
- Bà Vũ Thị Dung	-	-	57.800.000.000	-
- Các đối tượng khác (ii)	26.677.040.720	(800.000.000)	27.099.094.029	(1.497.433.156)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**895.029.007.515**	**(800.000.000)**	**1.351.249.094.029**	**(1.497.433.156)**

- Thông tin chi tiết các khoản cho vay như sau:

Bên vay	Bên cho vay	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo
(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	5,5%/năm	03 tháng đến 06 tháng	Đảm bảo bằng các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn các khoản phải thu của Bên vay) và tài sản hình thành từ khoản tiền vay của Hợp đồng vay
	Các Công ty con của Tập đoàn	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	Từ 3,5%/năm đến 9,8%/năm	Không quá 12 tháng	
(ii) Các đối tượng khác	Các Công ty con của Tập đoàn	Mục đích đầu tư, kinh doanh của Bên Vay	Từ 0,0%/năm đến 16,0%/năm	Không quá 12 tháng hoặc không thời hạn	Đảm bảo bằng giá trị công trình đã thi công hoặc đảm bảo bằng các tài sản được hình thành từ khoản vay và các tài sản khác của Bên vay với giá trị tương đương bằng giá trị khoản vay để đảm bảo nghĩa vụ quy định tại hợp đồng

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**78.333.043.803**	**(3.495.764.698)**	**99.449.448.966**	**(4.085.872.600)**
Phải thu khác đối tượng khác	***78.333.043.803***	***(3.495.764.698)***	***99.449.448.966***	***(4.085.872.600)***
- Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, trái tức	12.027.327.711	-	46.021.830.493	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	(20.000.000)	215.000.000	(215.000.000)
- Kinh phí giải phóng mặt bằng của Dự án Khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, Q. Thốt Nốt (1)	19.105.084.881	-	19.105.084.881	-
- Trung tâm Giải phóng mặt bằng & Môi trường đô thị (2)	10.570.288.983	-	10.570.288.983	-
- Tạm ứng	25.203.567.183	(2.995.764.698)	21.926.151.979	(2.995.764.698)
- Hợp tác thành lập quỹ đầu tư	10.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.406.775.045	(480.000.000)	1.611.092.630	(875.107.902)
b) Dài hạn	**19.349.816.245**	**-**	**17.457.387.000**	**-**
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	19.349.816.245	-	17.457.387.000	-
+ *Ký quỹ Dự án Khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt*	*12.422.387.000*	-	*12.422.387.000*	-
+ *Các khoản ký quỹ khác*	*6.927.429.245*	-	*5.035.000.000*	-
Cộng	**97.682.860.048**	**(3.495.764.698)**	**116.906.835.966**	**(4.085.872.600)**

(1) Khoản trả trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đợt 1 dự án Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 2789/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt ngày 01/11/2021.

(2) Khoản tạm ứng cho Trung tâm Giải phóng mặt bằng và Môi trường đô thị hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị xanh Anvie Hà My. Hiện tại dự án đã chấm dứt hoạt động theo Quyết định 13/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam. Khoản tạm ứng đang chờ thu hồi theo Quyết định số 337/TB-UBND ngày 10/05/2023 của Ủy ban Nhân dân thị xã Điện Bàn.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	**Dự phòng VND**	**Giá gốc VND**	**Dự phòng VND**
Nguyên liệu, vật liệu	5.230.706.231	(99.069.685)	4.627.864.201	(99.069.685)
Công cụ, dụng cụ	256.726.436	-	191.566.025	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.207.573.605	-	1.555.420.277	-
Thành phẩm	6.771.559.429	-	6.083.273.871	-
Hàng hóa	6.289.805.624	-	3.098.217.831	-
Cộng	**24.756.371.325**	**(99.069.685)**	**15.556.342.205**	**(99.069.685)**

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	**52.511.764.526**	**52.511.764.526**	**44.022.246.762**	**44.022.246.762**
- Dự án Khu sinh thái Lũng Xuân (1)	7.143.397.520	7.143.397.520	7.143.397.520	7.143.397.520
- Dự án Khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt (2)	19.599.899.090	19.599.899.090	17.754.266.922	17.754.266.922
- Dự án Tòa nhà văn phòng, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm Ong (3)	12.541.894.295	12.541.894.295	12.303.647.515	12.303.647.515
- Các dự án khác	13.226.573.621	13.226.573.621	6.820.934.805	6.820.934.805
Sửa chữa lớn TSCĐ	**550.340.291**	**550.340.291**	**452.492.291**	**452.492.291**
Cộng	**53.062.104.817**	**53.062.104.817**	**44.474.739.053**	**44.474.739.053**

(1) Dự án được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 251031000075 ngày 29/02/2008 của UBND tỉnh Hòa Bình với tổng mức đầu tư là khoảng 448 tỷ VND, chủ đầu tư là Công ty CP Đầu tư Phát triển Lũng Xuân (Công ty con của Công ty Cổ phần Nếp sống tỉnh thức IPAMLIFE), tổng diện tích quy hoạch 199,08 ha tại xã Tiến Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

(2) Dự án khu đô thị mới hai bên đường Nguyễn Thái Học, quận Thốt Nốt được Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 1535/QĐ-UBND ngày 25/06/2019, tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 621 tỷ VNĐ, mục đích xây dựng khu đô thị với diện tích khoảng 22ha. Thời gian hoạt động dự án là 50 năm. Dự án đang trong giai đoạn giải phóng mặt bằng.

(3) Dự án Tòa nhà văn phòng, trung tâm nghiên cứu và giới thiệu sản phẩm Ong được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 11/06/2020 và chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo Quyết định số 3619/QĐ-UBND ngày 14/07/2023. Dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến 618 tỷ VND với mục tiêu đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng (gồm trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê), trung tâm nghiên cứu, dịch vụ, giới thiệu và phân phối sản phẩm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm súc vật làm việc và cho sản phẩm	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
01/01/2024	**842.870.044.014**	**331.906.803.108**	**6.231.110.350**	**2.826.559.151**	**226.160.265**	**898.551.799**	**1.184.959.228.687**
- Mua trong năm	-	6.396.560.475	1.585.278.091	3.548.815.091	-	-	11.530.653.657
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(948.919.440)	(116.836.363)	-	-	(1.065.755.803)
- Giảm khác	-	(70.000.000)	-	-	-	-	(70.000.000)
31/12/2024	**842.870.044.014**	**338.233.363.583**	**6.867.469.001**	**6.258.537.879**	**226.160.265**	**898.551.799**	**1.195.354.126.541**
HAO MÒN LŨY KẾ							
01/01/2024	**(301.679.779.852)**	**(227.648.508.440)**	**(3.210.521.995)**	**(2.284.463.907)**	**(226.160.265)**	**(452.751.669)**	**(535.502.186.128)**
- Khấu hao trong năm	(30.763.029.073)	(22.092.413.831)	(827.290.632)	(611.946.362)	-	(169.202.131)	(54.463.882.029)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	948.919.440	116.836.363	-	-	1.065.755.803
- Giảm khác	-	13.611.107	-	-	-	-	13.611.107
31/12/2024	**(332.442.808.925)**	**(249.727.311.164)**	**(3.088.893.187)**	**(2.779.573.906)**	**(226.160.265)**	**(621.953.800)**	**(588.886.701.247)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
01/01/2024	**541.190.264.162**	**104.258.294.668**	**3.020.588.355**	**542.095.244**	**-**	**445.800.130**	**649.457.042.559**
31/12/2024	**510.427.235.089**	**88.506.052.419**	**3.778.575.814**	**3.478.963.973**	**-**	**276.597.999**	**606.467.425.294**

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 169.981.789.056 VND. (tại ngày 01/01/2024 là 178.809.838.908 VND).

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 số tiền là: 14.867.394.955 VND. (tại ngày 01/01/2024 là 15.165.217.322 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	**356.250.000**	**58.752.651.871**	**440.000.000**	**59.548.901.871**
- Tạo ra từ nội bộ Doanh nghiệp	-	3.260.054.332	-	3.260.054.332
- Thanh lý, nhượng bán	-	(15.201.000.000)	-	(15.201.000.000)
- Giảm khác	-	796.615.963	-	796.615.963
31/12/2024	**356.250.000**	**47.608.322.166**	**440.000.000**	**48.404.572.166**
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2024	**(179.953.705)**	**(20.987.663.844)**	**(440.000.000)**	**(21.607.617.549)**
- Khấu hao trong năm	(71.250.000)	(16.131.368.691)	-	(16.202.618.691)
- Tăng khác	-	(274.939.222)	-	(274.939.222)
- Thanh lý, nhượng bán	-	5.493.684.213	-	5.493.684.213
31/12/2024	**(251.203.705)**	**(31.900.287.544)**	**(440.000.000)**	**(32.591.491.249)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	**176.296.295**	**37.764.988.027**	**-**	**37.941.284.322**
31/12/2024	**105.046.295**	**15.708.034.622**	**-**	**15.813.080.917**

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 2.443.218.642 VND (tại ngày 01/01/2024 là 2.443.218.642 VND)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2024 VND
NGUYÊN GIÁ	**17.403.806.849**	**-**	**-**	**17.403.806.849**
- Quyền sử dụng đất	4.578.359.545	-	-	4.578.359.545
- Nhà	12.825.447.304	-	-	12.825.447.304
HAO MÒN LŨY KẾ	**(5.716.141.296)**	**(218.354.700)**	**-**	**(5.934.495.996)**
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Nhà	(5.716.141.296)	(218.354.700)	-	(5.934.495.996)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	**11.687.665.553**	**-**	**218.354.700**	**11.469.310.853**
- Quyền sử dụng đất	4.578.359.545	-	-	4.578.359.545
- Nhà	7.109.306.008	-	218.354.700	6.890.951.308

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Chi tiết danh mục bất động sản đầu tư tại 31/12/2024:

	NGUYÊN GIÁ VND	GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ VND	GIÁ TRỊ CÒN LẠI VND
Quyền sử dụng đất lâu dài tại Phường Cẩm Châu, Hội An, Quảng Nam	4.578.359.545	-	4.578.359.545
Quyền sử dụng đất lâu dài ở số 20 Lê Đại Hành, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng	7.390.386.263	(3.347.729.023)	4.042.657.240
Căn hộ B-0408 tại Cao ốc Manor, 91 Nguyễn Hữu Cảnh, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	5.435.061.041	(2.586.766.973)	2.848.294.068
Tổng	**17.403.806.849**	**(5.934.495.996)**	**11.469.310.853**

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**2.934.940.588**	**1.400.026.213**
- Chi phí bảo hiểm	1.030.155.000	610.627.933
- Chi phí thuê văn phòng	1.166.450.753	38.863.628
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	256.115.614	18.460.838
- Các khoản khác	482.219.221	732.073.814
b) Dài hạn	**133.395.037.595**	**132.103.754.671**
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.091.369.059	1.317.723.373
- Chi phí sửa chữa cải tạo	6.701.602.298	283.269.238
- Phí tư vấn pháp lý cấp quyền sử dụng đất tại 19 Trúc Khê (1)	2.922.222.233	3.055.555.565
- Lợi thế quyền thuê đất (2)	121.184.934.485	126.967.683.641
- Các khoản khác	494.909.520	479.522.854
Cộng	**136.329.978.183**	**133.503.780.884**

(1) Chi phí phân bổ tương ứng với thời gian sử dụng đất tại số 19 Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội năm 2046.

(2) Tại thời điểm đạt quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Ong Trung ương, Tập đoàn đã ghi nhận giá trị Lợi thế quyền thuê đất của Công ty con này theo giá trị hợp lý với số tiền 154.886.038.169 VND, chi phí phân bổ trong năm nay là 5.782.749.156 VND tương ứng với thời gian sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Khách sạn Du lịch Đại Dương	Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In	Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2024	**9.215.886.844**	**1.139.840.432**	**7.247.912.227**	**51.773.781.815**	**29.002.355.466**	**98.379.776.784**
31/12/2024	**9.215.886.844**	**1.139.840.432**	**7.247.912.227**	**51.773.781.815**	**29.002.355.466**	**98.379.776.784**
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2024	**(5.990.326.446)**	**(1.139.840.432)**	**(5.798.329.784)**	**(25.023.994.546)**	**(241.686.296)**	**(38.194.177.504)**
- Phân bổ trong năm	(921.588.684)	-	(724.791.223)	(5.177.378.182)	(2.900.235.547)	(9.723.993.636)
31/12/2024	**(6.911.915.130)**	**(1.139.840.432)**	**(6.523.121.007)**	**(30.201.372.728)**	**(3.141.921.843)**	**(47.918.171.140)**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2024	**3.225.560.398**	**-**	**1.449.582.443**	**26.749.787.269**	**28.760.669.170**	**60.185.599.280**
31/12/2024	**2.303.971.714**	**-**	**724.791.220**	**21.572.409.087**	**25.860.433.623**	**50.461.605.644**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	**112.259.032.849**	**112.259.032.849**	**1.011.996.173.517**	**4.230.004.673.785**	**3.330.267.533.117**	**3.330.267.533.117**
Bên liên quan	-	-	-	***317.000.000.000***	***317.000.000.000***	***317.000.000.000***
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	-	-	-	317.000.000.000	317.000.000.000	317.000.000.000
Bên khác	***259.526.000***	***259.526.000***	-	-	***259.526.000***	***259.526.000***
- Các cá nhân (1)	259.526.000	259.526.000	-	-	259.526.000	259.526.000
Vay dài hạn đến hạn trả	***111.999.506.849***	***111.999.506.849***	***1.011.996.173.517***	***3.913.004.673.785***	***3.013.008.007.117***	***3.013.008.007.117***
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (2)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	1.141.988.856	1.141.988.856	1.141.988.856
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (4)	99.999.506.849	99.999.506.849	999.996.173.517	3.199.942.319.631	2.299.945.652.963	2.299.945.652.963
+ *Mệnh giá trái phiếu*	*100.000.000.000*	*100.000.000.000*	*1.000.000.000.000*	*3.200.000.000.000*	*2.300.000.000.000*	*2.300.000.000.000*
+ *Chi phí phát hành*	*(493.151)*	*(493.151)*	*(3.826.483)*	*(57.680.369)*	*(54.347.037)*	*(54.347.037)*
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (5)	-	-	-	699.920.365.298	699.920.365.298	699.920.365.298
+ *Mệnh giá trái phiếu*	-	-	-	*700.000.000.000*	*700.000.000.000*	*700.000.000.000*
+ *Chi phí phát hành*	-	-	-	*(79.634.702)*	*(79.634.702)*	*(79.634.702)*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn	**3.661.774.340.209**	**3.661.774.340.209**	**2.622.645.750.000**	**23.108.974.251**	**1.062.237.564.460**	**1.062.237.564.460**
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (2)	27.980.404.782	27.980.404.782	-	12.000.000.000	39.980.404.782	39.980.404.782
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	-	6.947.098.911	6.947.098.911	6.947.098.911
- Các cá nhân (3)	12.959.887.250	12.959.887.250	2.000.000.000	4.354.000.000	15.313.887.250	15.313.887.250
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (4)	3.296.287.302.968	3.296.287.302.968	2.296.150.750.000	(140.379.451)	999.996.173.517	999.996.173.517
+ *Mệnh giá trái phiếu*	*3.298.000.000.000*	*3.298.000.000.000*	*2.298.000.000.000*	-	*1.000.000.000.000*	*1.000.000.000.000*
+ *Chi phí phát hành*	*(1.712.697.032)*	*(1.712.697.032)*	*(1.849.250.000)*	*(140.379.451)*	*(3.826.483)*	*(3.826.483)*
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (5)	324.546.745.209	324.546.745.209	324.495.000.000	(51.745.209)	-	-
+ *Mệnh giá trái phiếu*	*325.000.000.000*	*325.000.000.000*	*325.000.000.000*	-	-	-
+ *Chi phí phát hành*	*(453.254.791)*	*(453.254.791)*	*(505.000.000)*	*(51.745.209)*	-	-
Cộng	**3.774.033.373.058**	**3.774.033.373.058**	**3.634.641.923.517**	**4.253.113.648.036**	**4.392.505.097.577**	**4.392.505.097.577**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin các khoản vay

STT	Bên cho vay	Bên vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
(1)	Cán bộ công nhân viên và người nuôi ong	Công ty Cổ phần Ong Trung ương (Công ty con của Tập đoàn)	Không quá 12 tháng	Từ 0,0%/năm đến 8,0%/năm	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(2)	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà (Công ty con của Tập đoàn)	Theo từng khế ước nhận nợ	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ vốn đầu tư cho Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Phàng B	- Tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm toàn bộ giá trị công trình, thiết bị, tài sản hình thành từ Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Phàng B - Cổ phần Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (số lượng: 17.125.000 cổ phiếu, không bao gồm cổ phiếu ưu đãi biểu quyết) thuộc quyền sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A.
(3)	Các cá nhân	Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood (Công ty con của Tập đoàn)	05 năm	5%/năm	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin về trái phiếu

Ngày phát hành	Đại lý phát hành	Thời hạn trái phiếu	Lãi suất	Mục đích phát hành	Hình thức đảm bảo	Mệnh giá (VND)
(4) Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A						
25/2/2022	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	3 năm	9,5%/năm	Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và hoạt động hợp pháp khác của Tổ chức phát hành, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các mục đích sau: (i) Cấu trúc nguồn vốn trung và dài hạn của Tổ chức phát hành; (ii) Bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, dự án của Tổ chức phát hành; (iii) Đầu tư ngắn hạn, trung hạn vào các sản phẩm đầu tư an toàn, có lãi suất cố định trên thị trường vốn/tiền tệ để tối ưu hóa nguồn vốn cho Công ty; (iv) Hỗ trợ vốn (gồm cả cho vay) cho các doanh nghiệp có liên quan, các công ty trong cùng tập đoàn; cho vay đối với các doanh nghiệp khác (ngắn hạn hoặc trung hạn) để tối ưu hiệu suất sử dụng vốn của Công ty; (v) Đầu tư, góp vốn vào các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề kinh doanh của Công ty; tái cơ cấu các khoản vay, bổ sung vốn lưu động cho Công ty.	Tín chấp	100.000.000.000
5/6/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ theo các hợp đồng vay và các khoản công nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật.	Tín chấp	317.000.000.000

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Thông tin về trái phiếu (tiếp)

Ngày phát hành	Đại lý phát hành	Thời hạn trái phiếu	Lãi suất	Mục đích phát hành	Hình thức đảm bảo	Mệnh giá (VND)
(4) Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A (tiếp)						
27/06/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	735.000.000.000
02/08/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	1.096.000.000.000
05/11/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	600.000.000.000
04/12/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ các trái phiếu đang lưu hành của Công ty phù hợp với quy định của các điều kiện, điều khoản của các trái phiếu và quy định của pháp luật.	Tín chấp	550.000.000.000
(5) Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà						
27/06/2024	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	5 năm	9,5%/năm	Cơ cấu lại các khoản nợ (bao gồm nợ vay, nợ trái phiếu và các khoản công nợ khác) phù hợp với quy định của pháp luật.	Tín chấp	325.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.902.264.696	20.058.775.225	19.503.564.204	2.457.475.718
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.251.487.013	47.295.376.884	17.895.534.898	44.651.328.999
- Thuế thu nhập cá nhân	8.575.716.803	16.497.811.404	22.635.520.476	2.438.007.731
- Thuế tài nguyên	99.046.982	14.532.454.475	14.061.736.970	569.764.487
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	856.082.913	8.602.513.585	9.406.334.347	52.262.151
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	739.045.080	7.246.061.189	6.921.076.625	1.064.029.644
	27.423.643.487	**114.232.992.762**	**90.423.767.520**	**51.232.868.730**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	2.878.681	332.500	6.924.320	9.470.501
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.426.787	3.880.363	-	216.546.424
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	22.798	22.798
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	483.259.392	483.259.392	-	-
	706.564.860	**487.472.255**	**6.947.118**	**226.039.723**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**138.899.075.216**	**156.386.755.037**
- Chi phí lãi tiền vay	242.305.556	242.305.556
- Lãi trái phiếu phát hành	133.607.815.023	152.322.107.582
- Phí phát hành trái phiếu	1.420.000.000	-
- Chi phí xây dựng nhà máy Thủy điện Nậm Phàng B	3.460.640.043	3.460.640.043
- Chi phí phải trả khác	168.314.594	361.701.856
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**138.899.075.216**	**156.386.755.037**

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**11.894.919.878**	**1.283.409.090**
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	11.894.919.878	1.283.409.090
b) Dài hạn	-	-
c) Trong đó: Bên liên quan	**10.744.272.433**	-
- Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	10.744.272.433	-
Cộng	**11.894.919.878**	**1.283.409.090**

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	***92.796.487.599***	***101.179.956.915***
- Lãi vay phải trả	-	772.712.328
- Kinh phí công đoàn	2.506.415.136	1.709.962.636
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.619.247.720	1.734.247.720
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.212.439.685	12.023.005.685
- Nhận đặt cọc (*)	80.000.000.000	80.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.458.385.058	4.940.028.546
b) Dài hạn	**4.011.000.000**	**1.300.000.000**
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.011.000.000	*1.300.000.000*
c) Trong đó: Bên liên quan	**85.796.274.000**	**82.072.712.328**
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	82.686.000.000	81.300.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	-	772.712.328
- Ông Vũ Hiền	1.660.274.000	-
- Bà Phạm Minh Hương	1.450.000.000	-
Cộng	**96.807.487.599**	**102.479.956.915**

(*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT theo hợp đồng số 01/2019/HĐĐCDA ngày 26/12/2019 về việc Đặt cọc cho Hợp đồng Chuyển nhượng khu Văn Phòng hình thành trong tương lai tại Dự án Tòa nhà Văn Phòng, Trung tâm Nghiên cứu và Giới thiệu sản phẩm Ong.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	**2,138,357,750,000**	**31,683,942,165**	**-**	**63,531,469,574**	**633,937,405**	**1,167,826,145,080**	**410,607,671,044**	**3,812,640,915,268**
- Ảnh hưởng do công ty con tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	21,155,000,000	21,155,000,000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	298,667,475,868	37,425,873,733	336,093,349,601
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ tại công ty con	-	365,895,015	-	737,042,180	1,734,505	57,486,772,507	(137,823,361,811)	(79,231,917,604)
- Ảnh hưởng do hợp nhất thêm công ty con	-	-	(23,031,799,000)	-	-	-	-	(23,031,799,000)
- Ảnh hưởng do công ty con phân phối lợi nhuận trước năm 2023	-	-	-	-	-	(1,023,655,332)	(10,700,493,668)	(11,724,149,000)
- Ảnh hưởng do công ty con phân phối lợi nhuận năm 2023	-	-	-	-	-	-	(12,358,964,000)	(12,358,964,000)
- Ảnh hưởng do thoái vốn Công ty con	-	-	-	-	-	14,166,806,539	(1,236,137,845)	12,930,668,694
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	(2,538,527,665)	-	(2,538,527,665)
- Ảnh hưởng do biến đổi vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	6,754,202,760	-	6,754,202,760
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(85,084,847)	-	(85,084,847)
31/12/2023	**2,138,357,750,000**	**32,049,837,180**	**(23,031,799,000)**	**64,268,511,754**	**635,671,910**	**1,541,254,134,910**	**307,069,587,453**	**4,060,603,694,207**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	**2.138.357.750.000**	**32.049.837.180**	**(23.031.799.000)**	**64.268.511.754**	**635.671.910**	**1.541.254.134.910**	**307.069.587.453**	**4.060.603.694.207**
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	510.000.000	510.000.000
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	411.454.226.291	58.668.354.577	470.122.580.868
- Bán cổ phiếu quỹ	-	-	23.031.799.000	-	-	-	-	23.031.799.000
- Ảnh hưởng do thay đổi cơ cấu sở hữu Công ty con	-	-	-	-	-	(621.516.473)	1.611.516.473	990.000.000
- Ảnh hưởng do biến động vốn chủ sở hữu tại công ty con	-	-	-	(8.526)	-	(45.812.904.808)	(12.992.183.564)	(58.805.096.898)
- Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	13.953.834	-	13.953.834
- Ảnh hưởng do biến động vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	-	-	-	-	-	2.704.673.075	-	2.704.673.075
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(547.673.742)	-	(547.673.742)
31/12/2024	**2.138.357.750.000**	**32.049.837.180**	**-**	**64.268.503.228**	**635.671.910**	**1.908.444.893.087**	**354.867.274.939**	**4.498.623.930.344**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	1.185.732.000.000	1.185.732.000.000
- Bà Lương Thu Hằng	112.245.600.000	112.245.600.000
- Vốn của các cổ đông khác	840.380.150.000	840.380.150.000
Cộng	**2.138.357.750.000**	**2.138.357.750.000**

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp đầu năm	2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	2.138.357.750.000	2.138.357.750.000
Cổ tức, lợi nhuận		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	***12.023.005.685***	***3.907.385.185***
Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	***18.547.670.000***	***22.943.113.000***
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.436.779.666	10.584.149.000
Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	15.110.890.334	12.358.964.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	***(26.358.236.000)***	***(14.781.242.500)***
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(14.358.236.000)	(13.893.446.500)
Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	(12.000.000.000)	(887.796.000)
Cổ tức, lợi nhuận phải trả giảm do thoái vốn	-	***(46.250.000)***
Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	**4.212.439.685**	**12.023.005.685**

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	213.835.775	213.835.775
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	213.835.775	213.835.775
+ *Cổ phiếu phổ thông*	*213.835.775*	*213.835.775*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	213.835.775	213.835.775
+ *Cổ phiếu phổ thông*	*213.835.775*	*213.835.775*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	64.268.503.228	64.268.511.754
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	635.671.910	635.671.910

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

Đối tượng	Nguyên nhân	Thời gian xử lý	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Gang thép Kim Sơn	Không còn khả năng thu hồi	31/12/2021	150.000.000
Nhân viên đã nghỉ việc	Không còn khả năng thu hồi	31/12/2021	308.995.513

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	**560.331.817.604**	**347.553.198.362**
Doanh thu bán điện thương phẩm	187.474.605.230	140.375.378.977
Doanh thu bán thành phẩm	12.974.724.656	15.382.287.914
Doanh thu bán hàng hóa	38.077.245.379	30.583.470.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ	313.011.326.528	152.791.077.062
Doanh thu từ hợp tác kinh doanh (*)	8.793.915.811	8.420.983.681
Cộng	**560.331.817.604**	**347.553.198.362**

(*) Doanh thu tiền thuê đất và dịch vụ có liên quan của Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành in tại khu đất 90 Pasteur, Quận 1, TP Hồ Chí Minh và doanh thu cho thuê nhà kho, nhà xưởng của Công ty Cổ phần Ong Trung Ương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	81.805.410.059	76.975.173.527
Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.583.003.414	9.872.584.029
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18.859.733.475	16.219.177.838
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	165.567.719.666	92.696.403.283
Giá vốn từ hợp tác kinh doanh	3.150.198.116	5.385.732.332
Phân bổ lợi thế quyền thuê đất	5.782.749.155	6.256.282.243
Cộng	**280.748.813.885**	**207.405.353.252**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	86.163.896.144	300.500.937.228
- Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	80.767.893.425	5.457.202.046
- Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh	89.556.966.203	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	202.170.155.900	5.745.774.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	5.027.025
Cộng	**458.658.911.672**	**311.708.940.299**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền vay, lãi trái phiếu phát hành	372.789.770.996	430.914.438.683
- Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh	1.452.381.530	6.708.876.666
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	42.035.601.476	87.711.342.403
- Chi phí hoạt động tài chính khác	1.892.272.567	1.841.461.773
Cộng	**418.170.026.569**	**527.176.119.525**

28. PHẦN LÃI HOẶC LỖ TRONG CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi từ công ty liên kết	280.680.521.865	482.297.434.180
	280.680.521.865	**482.297.434.180**

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	***69.612.055.348***	***53.717.894.095***
- Chi phí nhân công	27.625.453.153	26.038.711.989
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.216.923.407	984.285.891
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.839.814.292	2.818.690.267
- Thuế, phí và lệ phí	3.182.180.134	1.995.849.552
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	(1.333.656.558)	(342.166.621)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.988.755.362	10.308.987.625
- Chi phí bằng tiền khác	5.368.591.922	4.355.527.948
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	9.723.993.636	7.558.007.444
Các khoản chi phí bán hàng	***13.802.534.256***	***9.856.964.283***
- Chi phí nguyên vật liệu	851.677.607	895.248.263
- Chi phí nhân công	9.302.863.795	7.190.556.364
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	585.004.538	511.866.510
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.829.496.023	238.600.407
- Chi phí khác bằng tiền	1.233.492.293	1.020.692.739
Cộng	**83.414.589.604**	**63.574.858.378**

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	47.296.000.850	16.711.482.613

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

31.1 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	86.808.745.705	88.061.356.875
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước	(277.800.236)	-
	86.530.945.469	**88.061.356.875**

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI (TIẾP)

31.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	37.910.766.350	40.135.697.867
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(84.282.592)	-
	37.826.483.758	**40.135.697.867**

31.3 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.194.855.672)	(4.005.159.469)
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.154.683.798	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	(5.011.228.981)
	(40.171.874)	**(9.016.388.450)**

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	30.697.055.162	16.294.521.777
- Chi phí nhân công	152.597.695.021	96.151.824.940
- Khấu hao tài sản cố định	80.608.849.056	74.918.731.818
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.332.460.797	41.159.704.177
- Chi phí bằng tiền khác	26.387.531.814	28.554.457.975
Cộng	**361.623.591.850**	**257.079.240.687**

33. LÃI CƠ BẢN/ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ (VND)	411.454.226.291	298.667.475.868
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	411.454.226.291	298.667.475.868
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong kỳ (CP)	213.835.775	213.835.775
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	**1.924**	**1.397**

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, do đó, Công ty xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực dịch vụ tài chính
- Lĩnh vực sản xuất điện thương phẩm
- Lĩnh vực giải pháp doanh nghiệp
- Lĩnh vực thực phẩm F&B
- Lĩnh vực khác: Dịch vụ khác, bất động sản, hàng hóa,...

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ tài chính	Sản xuất điện thương phẩm	Giải pháp doanh nghiệp	Thực phẩm F&B	BĐS và các lĩnh vực khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	64.780.268.837	187.474.605.230	227.744.571.697	63.139.260.830	35.170.435.875	578.309.142.469	(18.254.521.739)	560.054.620.730
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	***45.260.646.196***	***105.669.195.171***	***103.041.662.259***	***25.920.017.683***	***9.862.228.473***	***289.753.749.782***	***(10.447.942.937)***	***279.305.806.845***
Tổng chi phí mua tài sản cố định	1.797.632.168	-	13.411.888.533	8.917.606.956	2.386.340.313	26.513.467.970	-	26.513.467.970
Tài sản bộ phận	5.917.376.124.063	1.033.966.114.985	400.225.847.564	403.111.318.784	967.496.061.451	8.722.175.466.847	(188.039.184.382)	8.534.136.282.465
Tài sản không phân bổ						86.530.945.469	50.461.605.644	136.992.551.113
Tổng tài sản	***5.917.376.124.063***	***1.033.966.114.985***	***400.225.847.564***	***403.111.318.784***	***967.496.061.451***	***8.808.706.412.316***	***(137.577.578.738)***	***8.671.128.833.578***
Nợ phải trả các bộ phận	3.595.433.937.107	433.181.611.276	42.918.873.912	165.476.779.627	76.518.309.884	4.313.529.511.806	(223.276.874.659)	4.090.252.637.147
Nợ phải trả không phân bổ						82.252.266.087	-	82.252.266.087
Tổng nợ phải trả	***3.595.433.937.107***	***433.181.611.276***	***42.918.873.912***	***165.476.779.627***	***76.518.309.884***	***4.395.781.777.893***	***(223.276.874.659)***	***4.172.504.903.234***

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Theo khu vực địa lý

	Lào Cai	Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Cần Thơ	Hải Phòng	Quảng Nam	Loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng	192.684.570.860	377.223.322.889	8.314.248.720	-	-	87.000.000	(18.254.521.739)	**560.054.620.730**
Tổng chi phí mua tài sản cố định	405.926.785	23.748.200.872	1.748.118.091	-	-	611.222.222	-	**26.513.467.970**
Tài sản bộ phận	1.038.997.686.750	7.520.162.686.682	106.981.962.826	1.328.708.149	13.967.585.363	40.736.837.077	(188.039.184.382)	**8.534.136.282.465**

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán	Có ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Biggee	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ	Công ty liên kết
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư H&H	Cổ đông lớn

Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Họ và tên	**Chức vụ**		
Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	155,000,000	120,000,000
Ông Mai Hữu Đạt	Tổng Giám đốc	1,137,500,000	960,800,000

		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		***465.391.304***	***480.000.000***
Họ và tên	**Chức vụ**		
Ông Vũ Hiền	Chủ tịch	96.000.000	96.000.000
Bà Phạm Minh Hương	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Thanh	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Ông Vũ Hoàng Hà	Thành viên	96.000.000	96.000.000
Bà Vũ Nam Hương	Thành viên (đến ngày 16/05/2024)	32.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Vũ Long	Thành viên (từ ngày 20/06/2024)	49.391.304	-
Cộng		**465.391.304**	**480.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Cho thuê văn phòng và phí dịch vụ quản lý	13.602.575.242	14.202.575.242
Mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	2.810.572.002.509	706.717.860.208
Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	165.000.000.000
Chuyển nhượng cổ phần đầu tư	679.490.000.000	-
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần đầu tư	49.490.000.000	-
Chuyển nhượng trái phiếu	3.379.043.230.110	-
Doanh thu phí sử dụng tài sản đảm bảo	10.998.335.929	10.154.917.808
Phí phát hành trái phiếu, phí lưu ký, phí đại lý, phí đảm bảo	1.080.316.343	1.081.467.730
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng trái phiếu	65.352.884.211	-
Tiền điện, nước sinh hoạt thu hộ	1.491.079.504	1.207.285.984
Nhận cổ tức	196.659.238.500	-
Thực hiện quyền mua cổ phiếu	629.309.560.000	-
Bán trái phiếu phát hành	3.298.000.000.000	-
Mua lại trái phiếu trước hạn	2.390.000.000.000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành In và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu hợp tác kinh doanh	8.255.778.720	8.093.755.681
Tiền điện, nước sinh hoạt thu hộ	1.276.981.695	1.177.995.771
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm Homefood và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	7.441.831.034	7.672.484.630
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Bán trái phiếu phát hành	325.000.000.000	-
Mua lại trái phiếu trước hạn	240.000.000.000	-
Mua trái phiếu kinh doanh	608.589.591.520	-
Bán trái phiếu kinh doanh	615.387.154.160	-
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	6.797.562.640	-
Lãi trái phiếu trả trong năm	61.000.026.817	-
Phí phát hành trái phiếu phân bổ	79.634.702	516.977.170
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Ong Trung Ương và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cho thuê tài sản	136.363.635	343.636.368
Lãi tiền gửi	-	329.875.293
Mua trái phiếu kinh doanh	9.181.736.490	-
Bán trái phiếu kinh doanh	4.682.328.250	-
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	182.251.200	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tinh thức IPAM LIFE và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.757.450.000	804.000.000
Tiền điện, nước sinh hoạt thu hộ	15.871.833	13.683.980
Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nam Cần Thơ		
Trả gốc vay	317.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	677.424.658	2.955.246.575
Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Phát triển điện Trà Vinh		
Cổ tức được chia	3.225.777.000	3.225.774.000
Giao dịch giữa Công ty mẹ và Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính		
Cổ tức được chia	1.680.000.000	2.520.000.000
Giao dịch giữa Công ty TNHH Tư vấn Quản trị doanh nghiệp IPA và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.766.748.000	200.000.000
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	153.163.121.002	99.207.848.000
Doanh thu chuyển nhượng phần mềm	10.700.000.000	-
Cho vay Dplus	30.000.000.000	-
Thu hồi cho vay Dplus	30.000.000.000	-
Lãi cho vay Dplus	68.512.324	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính		
Mua hàng hóa, dịch vụ phần mềm	297.500.000	1.908.000.000
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ IPA và Công ty Cổ phần Biggee		
Mua hàng hóa, dịch vụ phần mềm	144.000.000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Dstation và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.199.373.328	-
Cho vay Dplus	7.670.000.000	-
Thu hồi cho vay Dplus	4.170.000.000	-
Lãi cho vay Dplus	5.635.725	-
Mua trái phiếu kinh doanh	5.808.947.400	-
Bán trái phiếu kinh doanh	5.874.546.462	-
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	65.599.062	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

36.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Propfit và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Mua trái phiếu kinh doanh	20,095,113,000	-
Bán trái phiếu kinh doanh	10,167,417,000	-
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	172,467,360	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Stockbook và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Mua trái phiếu kinh doanh	5,300,071,380	-
Bán trái phiếu kinh doanh	5,391,526,500	-
Lãi bán trái phiếu kinh doanh	91,455,120	-
Giao dịch giữa Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán I.P.A và Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT		
Doanh thu phí quản lý danh mục	536,703,474	46,064,638
Phí giao dịch, phí đại lý	1,392,380,516	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tinh thức IPAM LIFE và ông Vũ Hiền		
Chia cổ tức	1,450,000,000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Nếp sống tinh thức IPAM LIFE và bà Phạm Minh Hương		
Chia cổ tức	1,450,000,000	-
Giao dịch giữa Công ty Cổ phần Ong Trung Ương và ông Vũ Hiền		
Chia cổ tức	210,274,000	-

36.2 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Công ty không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

36.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2025

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
Nguyễn Ngọc Mai	Nguyễn Thị Hương Thảo	Mai Hữu Đạt